

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP LONG PHÁT

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ TỔNG HỢP LONG PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: LONG PHAT GENERAL PRODUCTION TRADING SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: LONG PHAT GPTS ., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 2301134642

3. Ngày thành lập: 18/05/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Xuân Hội (NR: Bà Nguyễn Thị Nha), Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0866.458.268

Fax:

Email: hoanglongbn99@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng lúa	0111
2.	Trồng ngô và cây lương thực có hạt khác	0112
3.	Trồng cây lấy củ có chất bột	0113
4.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
5.	Trồng cây ăn quả	0121
6.	Chăn nuôi trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141
7.	Chăn nuôi lợn và sản xuất giống lợn	0145
8.	Chăn nuôi gia cầm	0146
9.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
10.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
11.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
12.	Khai thác thủy sản biển	0311
13.	Khai thác thủy sản nội địa	0312
14.	Nuôi trồng thủy sản biển	0321
15.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
16.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
17.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản Chi tiết: - Chế biến và bảo quản thủy sản đông lạnh; - Chế biến và bảo quản thủy sản khô; - Chế biến và bảo quản các sản phẩm khác từ thủy sản.	1020
18.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030

19.	Sản xuất vải dệt kim, vải đan móc và vải không dệt khác	1391
20.	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
21.	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
22.	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
23.	Sản xuất giày, dép	1520
24.	Cửa, xẻ, bảo gỗ và bảo quản gỗ	1610
25.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
26.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
27.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
28.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
29.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
30.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
31.	Sản xuất sản phẩm khác từ cao su	2219
32.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
33.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
34.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
35.	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
36.	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
37.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
38.	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
39.	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
40.	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
41.	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
42.	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
43.	Sản xuất máy chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	2825
44.	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
45.	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
46.	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
47.	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
48.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
49.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
50.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Sản xuất mũ bảo hiểm kim loại và các thiết bị bảo hiểm cá nhân bằng kim loại khác.	3290

51.	Thu gom rác thải không độc hại Chi tiết: - Thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; - Thu gom, vận chuyển chất thải rắn công nghiệp thông thường.	3811
52.	Tái chế phế liệu	3830
53.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa.	4610
54.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
55.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
56.	Bán buôn thực phẩm	4632
57.	Bán buôn đồ uống	4633
58.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép Chi tiết: - Bán buôn vải; - Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác; - Bán buôn hàng may mặc; - Bán buôn giày dép.	4641(Chính)
59.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh; - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh; - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự; - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu.	4649
60.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
61.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
62.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy dệt, may, da giày; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chưa được phân vào đâu.	4659

63.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; - Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); - Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; - Bán buôn cao su; - Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; - Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; - Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; - Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu; (Trừ loại Nhà nước cấm)	4669
64.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
65.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
66.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh.	4722
67.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
68.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
69.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
70.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
71.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
72.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
73.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
74.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
75.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771

76.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: - Bán lẻ dược phẩm, dụng cụ y tế trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh; - Bán thuốc đông y, bán thuốc nam trong các cửa hàng chuyên doanh.	4772
77.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
78.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: - Bán lẻ lương thực lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thực phẩm khô, thực phẩm công nghiệp, đường sữa bánh kẹo lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ đồ uống lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thịt gia súc, gia cầm tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thủy sản tươi sống, đông lạnh lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ rau quả lưu động hoặc tại chợ; - Bán lẻ thực phẩm loại khác chưa được phân vào đâu.	4781
79.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
80.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
81.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
82.	Hoạt động của các trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm Chi tiết: - Hoạt động của các đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm.	7810
83.	Cung ứng lao động tạm thời	7820
84.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: - Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; - Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài.	7830
85.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Trừ hoạt động đấu giá)	8299

6. Vốn điều lệ: 1.890.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	PHẠM THỊ NHUNG	Số 322A, Phố Khâm Thiên, Phường Thổ Quan, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.450	94.500.000	5,000	027189000453	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	9.450	94.500.000	5,000		
2	NGUYỄN THỊ NHA	Số nhà 247, Phố Chợ Sơn, Xã Việt Đoàn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	9.450	94.500.000	5,000	125291374	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	9.450	94.500.000	5,000		

3	PHẠM MINH LONG	Số nhà 247, Phố Chợ Sơn, Xã Việt Đoàn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	170.100	1.701.000.000	90,000	125300986
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	170.100	1.701.000.000	90,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: PHẠM MINH LONG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 26/06/1987

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125300986

Ngày cấp: 17/11/2010

Nơi cấp: Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số nhà 247, Phố Chợ Sơn, Xã Việt Đoàn, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Xuân Hội, Xã Lạc Vệ, Huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh